

Bản án số: **133/2018/HS-PT**
Ngày 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trọng Danh

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Đức Kỳ

Ông Trần Minh Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kiều Trang— Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***
Bà Phan Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân T phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2018/TLPT-HS ngày 20/6/2018 đối với bị cáo Lê Thi S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Bị cáo có kháng cáo:*** **Lê Thi S**, sinh ngày 11/2/1997 tại Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: 25 Đường A, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa : 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Lê T và bà Nguyễn Thị A; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị bắt tạm giam ngày 29/12/2017. Có mặt.

Ngoài ra còn bị cáo Đỗ Duy T không có kháng cáo và không bị kháng cáo kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2016, thông qua trang mạng Youtube.com, Đỗ Duy T đã xem một đoạn video giới thiệu cách thức thực hiện lừa đảo bằng cách gọi điện thoại thông báo trúng thưởng. Sau đó, T đã vài lần thực hiện gọi điện thoại ngẫu nhiên vào một số điện thoại di động và giả mạo mình là nhân viên tổng đài mạng Viettel, thông báo người nghe đã trúng phần thưởng của Viettel. T yêu cầu những người này gửi card điện thoại qua cho T để làm thủ tục nhận thưởng. Có một số người tin tưởng đã nạp card cho T và T chiếm đoạt số tiền này.

Đến khoảng tháng 6 năm 2017, khi đang làm việc tại quán nhậu G (136 đường T, đường M, quận L, thành phố Đà Nẵng), do thiếu tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định tiếp tục thực hiện việc gọi điện thoại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 22/6/2017, T sử dụng số thuê bao 0868.842.753 (Mua ở cửa hàng bán sim điện thoại) để gọi ngẫu nhiên vào số thuê bao 0978.256.672 do bà Trần Thị L (Sinh năm 1965; Trú tại: 8/10 khu vực 4, phường O, quận O, thành phố Cần Thơ) sử dụng. T nói chuyện với bà L và tự giới thiệu mình là nhân viên tổng đài Viettel thành phố Hồ Chí Minh thông báo nội dung bà L đã trúng phần thưởng là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và một chiếc xe máy Honda Vision. Sau đó, T tiếp tục nói với bà L cung cấp thông tin, địa chỉ thì bà L cung cấp đầy đủ tên và địa chỉ đang ở. T nói với bà L phải nộp phí để kích hoạt giải thưởng và địa điểm nộp là thành phố Hồ Chí Minh. Bà L nói xa quá, bà đang ở Cần Thơ không đi được nên T mới nói là có thể nộp bằng thẻ cào điện thoại. Bà L đồng ý nộp tiền bằng hình thức này nên đi mua 08 (Tám) thẻ cào của nhà mạng Viettel, mỗi thẻ mệnh giá 100.000 đồng để gửi cho T. Bà L gọi điện thoại đọc mã thẻ card cho T. T ghi lại mã thẻ cào và số serial của thẻ, mục đích là sẽ nạp vào tài khoản trên web CTCpay.vn sau đó chuyển T tiền mặt vào tài khoản ngân hàng để tiêu xài.

Khoảng tháng 6 năm 2016, khi bán quán nhậu tại đường T phường P, quận L, Đà Nẵng, T có nhặt được một giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Quan L (Sinh năm 1998: nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 40 phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng). Tháng 7 năm 2016, T sử dụng ảnh thẻ của mình để thay vào ảnh thẻ của Trần Quan L trên giấy chứng minh nhân dân. Sau đó, T dùng giấy chứng minh này để mở một tài khoản ATM số 040048175084 tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch E, chi nhánh Đà Nẵng. Số tiền chiếm đoạt được, T nộp vào tài khoản VTCpay với mức phí 20%, theo hình thức quy đổi 1.000.000 đồng mệnh giá card thành 800.000 đồng tiền mặt, sau đó chuyển sang tài khoản số 040048175084 và rút ra để tiêu xài.

Sau khi thực hiện được lần đầu tiên, T tiếp tục gọi điện cho bà L và phải nộp tiền thuế để được phần thưởng với số tiền thuế bằng 3% giá trị giải thưởng và yêu cầu bà L nộp thẻ card trị giá 4.500.000 đồng. Bà L mua 09 thẻ card mệnh giá 500.000 đồng để chuyển cho T.

Lần thứ ba, T yêu cầu bà L nộp tiền đóng phí bảo lưu giải thưởng. Bà L chuyển cho T 08 thẻ card, mỗi thẻ mệnh giá 1.000.000 đồng.

Lần thứ tư, T yêu cầu bà L đóng tiền kích hoạt các mã thẻ card đã mua, bà L chuyển cho T 2 thẻ card mệnh giá 1.000.000 đồng và 4 thẻ mệnh giá 500.000 đồng.

Sau đó, bà L gửi cho T vài thẻ card nữa, đến khi đủ số card tương đương 18.000.000 đồng thì bà L nghi ngờ nên không đồng ý nộp thẻ Card cho T. T thấy bà L nghi ngờ nên không tiếp tục gọi điện cho bà L nữa. Sau đó, trong một lần tình cờ gặp Lê Thi S (Là đồng hương của T tại xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam), T kể lại cách thức đã tiến hành lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà L và đưa số điện thoại của bà L cho S, hướng dẫn S thực hiện. Ngày 26/6/2017, S sử dụng số thuê bao 0868.659.010 gọi điện thoại cho bà L và cũng giả mạo là nhân viên tổng đài Viettel tại thành phố Hồ Chí Minh, là cấp trên của T, yêu cầu bà L hợp tác để nhận giải thưởng. Bà L tin tưởng nên đã chuyển cho S số card điện thoại trị giá 15.000.000 đồng cho S. Sau đó, S yêu cầu bà L nộp tiền thuế giải thưởng và bà L đã chuyển cho S số card điện thoại trị giá 10.000.000 đồng; yêu cầu bà L phải nộp tiền để nhân viên vận chuyển giải thưởng về và bà L chuyển số card trị giá 10.000.000 đồng cho S; yêu cầu bà L nộp thêm tiền đóng thuế giải thưởng cho tỉnh và bà L đã chuyển cho S số card trị giá 12.000.000 đồng; S nói dối với bà L là có người tranh chấp giải thưởng nên bà L đã tin tưởng chuyển số card trị giá 8.000.000 đồng cho T; lần cuối, T gọi điện nói bà L nói một số thẻ card bị sai nên nộp thêm 5.000.000 đồng thẻ card và bà L đã chuyển cho T. Bà L mua xong rồi chuyển cho T, T và S chiếm đoạt số tiền này. Đến ngày 30/6/2017, T và S có gọi điện thoại cho bà L để lừa thêm nhưng bà L không tin và nói báo cho cơ quan Công an, T và S sợ bị phát hiện nên đã vứt bỏ các số thuê bao đã sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Toàn bộ số tiền card điện thoại T và S chiếm đoạt được của bà L, T nộp vào tài khoản VTCpay để chuyển số tiền sang tài khoản ngân hàng mang tên Trần Quan L tại Ngân hàng Sacombank rồi rút ra, chia cho S 24.000.000 đồng. T và S đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được để tiêu xài cá nhân.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Thi S 02 (Hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2017.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 24/5/2018, bị cáo Lê Thi S có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thi S có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù là có căn cứ, phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thi S vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thi S khai nhận trong khoảng thời gian từ 22/6/2017 đến ngày 30/6/2017, nhiều lần tại khu vực trước quán G – số 136 đường T, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng, S cùng T đã dùng thủ đoạn gian dối giả mạo là nhân viên của tổng đài Viettel tại thành phố Hồ Chí Minh và đưa ra thông tin giả mạo việc bà Trần Thị L trúng phần thưởng là 75.000.000 đồng và một chiếc xe moto Honda Vision, làm bà L tin tưởng chuyển cho T và S nhiều lần số tiền là mệnh giá các thẻ card điện thoại của nhà mạng Viettel tổng cộng là 78.000.000 đồng. Trong đó, số tiền T chiếm đoạt một mình là 18.000.000 đồng, T và S cùng chiếm đoạt là 60.000.000 đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã xét xử bị cáo Lê Thi S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thi S thì thấy: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bản án sơ thẩm đã đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015 và xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Các quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị

cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo mà không áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại cho đúng.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thi S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Lê Thi S 02 (hai)** năm tù về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/12/2017.

2. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị Lê Thi S phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA Tp Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu HS.

Bùi Trọng Danh

